

Bản án số: 13/2019/DS-ST
Ngày 13-3-2019
V/v “tranh chấp đòi lại tài sản và bồi
thường thiệt hại do tài sản bị xâm
phạm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà.

Ông Nguyễn Văn Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 12, 13 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2018 về “tranh chấp đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 457/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Chí C, sinh năm 1973 (có mặt)

Cư trú tại: Ấp BĐ, xã TP, huyện ĐĐ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1970 (có mặt)

Chị Trần Thị O, sinh năm 1975 (có mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp BĐ, xã TP, huyện ĐĐ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Chí C trình bày:

Anh Nguyễn Văn M và chị Trần Thị O có hỏi vay của anh nhiều lần với tổng số tiền 65.300.000 đồng, cụ thể:

Hai lần đầu vay 10.300.000 đồng nhưng không nhớ rõ thời gian vay cụ thể của từng lần nên xác định lấy ngày 11/11/2007 là ngày vay số tiền trên, khi vay không có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng.

Lần thứ ba, vào ngày 15/02/2008 al vay 55.000.000 đồng, có làm biên nhận. Khi vay, hai bên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, thời hạn trả 1 tháng sau khi lên tôm sẽ trả lại, việc thỏa thuận bằng lời nói không thể hiện bằng giấy tờ, lần vay này anh M và chị O có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Văn M. Từ khi vay đến nay, anh M và chị O không trả vốn và lãi cho anh. Khi anh M và chị O đi Bình Dương, nhà cửa đất đai không ai quản lý, bị người khác đến gỡ tol lấy đi nên địa phương vận động anh mua tol về gắn lại mục đích giữ gìn tài sản, vuông tôm của anh M, anh chỉ quản lý, không canh tác trên đất. Sau khi anh M và chị O về thì có trả tiền sửa nhà lại cho anh.

Sau khi anh M và chị O về địa phương, anh chị có trả tiền sửa nhà lại cho anh C và ngày 12/8/2010 Ủy ban nhân dân xã Trần Phán tiến hành hòa giải và hai bên thống nhất tự thỏa thuận anh M trả cho anh tổng số tiền 100.000.000 đồng, 3 tháng trả một lần, mỗi lần trả 20.000.000 đồng, việc thỏa thuận có ghi vào biên bản hòa giải.

Anh C khởi kiện yêu cầu anh M và chị O trả cho anh tổng số tiền 231.162.000 đồng (trong đó vốn là 65.300.000 đồng và lãi 165.862.000 đồng).

Tại phiên tòa, anh C yêu cầu anh M và chị O trả cho anh tổng số tiền vốn là 65.300.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh M, anh C đã giao trả lại cho anh M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M và chị O có yêu cầu phản tố, yêu cầu anh trả số tiền 240.000.000 đồng với lý do anh quản lý, canh tác phần đất do anh M đứng tên quyền sử dụng trong thời gian hai năm, anh không đồng ý.

Bị đơn chị Trần Thị O và anh Nguyễn Văn M thống nhất trình bày:

Anh, chị có hỏi vay của anh C ba lần với tổng số tiền 65.300.000 đồng, cụ thể:

Hai lần đầu vay 10.300.000 đồng nhưng không nhớ rõ thời gian cụ thể và thống nhất theo trình bày của ông C lấy ngày 11/11/2007 al là ngày vay, khi vay không có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng. Tuy nhiên, trong số tiền 10.300.000 đồng có 2.300.000 đồng tiền lãi, 8.000.000 đồng tiền vốn và sau đó, anh chị đã đóng lãi được 800.000 đồng trên số tiền 10.300.000 đồng.

Lần thứ ba vay 55.000.000 đồng vào ngày 15/02/2008 al. Khi vay có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, thời hạn trả một tháng sau khi lên tôm và có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Văn M.

Tại phiên hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Trần Phán vào ngày 12/8/2010, anh M thống nhất thỏa thuận trả số tiền 100.000.000 đồng, mỗi vụ tôm thời gian là 3 tháng với số tiền mỗi lần trả là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc thỏa thuận này là giữa anh C và anh M, không được sự đồng ý của chị O nên chị O không ký tên vào biên bản.

Từ khi vay đến nay, anh, chị chưa trả cho anh C số tiền 65.300.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 05/10/2018 và ngày 18/12/2018, anh M và chị O đồng ý trả số tiền vốn 65.300.000 đồng, không đồng ý trả lãi, yêu cầu anh C trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu anh C bồi thường thiệt hại với số tiền 240.000.000 đồng do anh C đã quản lý, sử dụng đất của anh M trong thời gian hai năm. hiện nay anh C đã giao trả lại cho anh, chị nên anh, chị không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, anh M và chị O không đồng ý trả vốn theo yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu anh C bồi thường thiệt hại với số tiền 240.000.000 đồng do anh C đã quản lý, sử dụng đất của anh M trong thời gian hai năm vì thực tế anh C có vào canh tác phần đất anh M đứng tên. Anh C có thả tôm và sau khi tôm lớn thì bắt về thả vào vuông tôm của anh C, ngoài ra anh C có đào lấy ống bọng của anh M đem về nhà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh C khởi kiện yêu cầu anh M và chị O trả cho anh tổng số tiền 231.162.000 đồng (trong đó vốn là 65.300.000 đồng và lãi 165.862.000 đồng). Theo anh C và anh M xác định Biên ngày 12/8/2010 hai bên có thỏa thuận anh M đồng ý trả cho anh C tổng số tiền vốn và lãi 100.000.000đ, trả làm 05 lần, mỗi lần cách nhau 03 tháng. Như vậy theo thỏa thuận trên đến ngày khởi kiện (ngày 18/9/2018) đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự và tại biên bản ghi ý kiến của đương sự ngày 18/12/2018 các đương sự yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Theo đó, quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp được xác định là “Đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 166 Bộ luật dân sự.

Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án, ông M có đơn phản tố yêu cầu anh C bồi thường thiệt hại do anh C chiếm đất của anh với tổng số tiền 240.000.000 đồng. Như vậy quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp được xác định là “Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 589 Bộ luật dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Tại đơn khởi kiện, Anh C khởi kiện yêu cầu anh M và chị O trả cho anh tổng số tiền 231.162.000 đồng (trong đó vốn là 65.300.000 đồng và lãi 165.862.000 đồng). Tuy nhiên, tại phiên Tòa anh C chỉ yêu cầu anh M và chị O trả số tiền vốn vay 65.300.000 đồng. Xét thấy, việc anh C tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 165.862.000 đồng là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút nêu trên theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về số tiền vốn vay: Anh C xác định số tiền vốn vay là 65.300.000 đồng. Còn anh M và chị O xác định trong số tiền 65.300.000 đồng, có 2.300.000 đồng tiền lãi và trong thời gian vay anh chị có đóng lãi được 800.000 đồng. Xét thấy, việc bị đơn cho rằng trong số tiền 65.300.000 đồng có 2.300.000 đồng là tiền lãi

và trong thời gian vay anh chị có đóng lãi được 800.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh và phía nguyên đơn cũng không thừa nhận. Mặt khác, theo biên bản hòa giải ngày 12/8/2010 của Ủy ban nhân dân xã Trần Phán anh M thừa nhận có hỏi tiền anh C ba lần với số tiền 65.300.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định số tiền 65.300.000 đồng là tiền vốn vay.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, buộc anh M và chị O có nghĩa vụ trả cho anh C số tiền 65.300.000 đồng là phù hợp.

[3] Về yêu cầu phản tố của anh M và chị O: Anh M và chị O yêu cầu anh C bồi thường số tiền 240.000.000 đồng do anh C đã chiếm đất của anh, chị trong khoảng thời gian 02 năm. Xét thấy: Theo Điều 588 Bộ luật dân sự quy định thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm". Tại phiên Tòa, các đương sự đều thống nhất sau khi anh M và chị O về địa phương vào năm 2010 anh C đã trả lại đất cho anh M. Đồng thời theo biên bản ghi ý kiến ngày 18/12/2018, các đương sự đều yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu của anh M yêu cầu anh C bồi thường thiệt hại số tiền 240.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Văn M của anh M và chị O: Tại phiên Tòa, các đương sự đều thống nhất, anh C đã giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh M và không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh M đứng tên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh C không phải chịu. Anh M và chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.265.000 đồng ($65.300.000 \text{ đ} \times 5\% = 3.265.000 \text{ đ}$); đối trừ số tiền tạm ứng án phí mà anh M, chị O đã nộp là 6.000.000 đồng, anh M và chị O được nhận lại 2.735.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 429, Điều 588, Điều 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Chí C. Buộc anh Nguyễn Văn M và chị Trần Thị O trả cho anh C số tiền 65.300.000đ (sáu mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng).

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Chí C yêu cầu anh Nguyễn Văn M và chị Trần Thị O đối với số tiền lãi là 165.862.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn M đối với yêu cầu anh Trần Chí C bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm số tiền 240.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh Trần Chí C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn M và chị Trần Thị O chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh M và chị O còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Chí C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.779.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0010360 ngày 18 tháng 9 năm 2019 được hoàn nhận lại.

Anh Nguyễn Văn M và chị Trần Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.265.000 đồng ($65.300.000 \text{ đ} \times 5\% = 3.265.000 \text{ đ}$); đối trừ số tiền tạm ứng án phí mà anh M đã nộp là 6.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010467 ngày 22/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được nhận lại 2.735.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng